

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-TH
V/v đề nghị sáp nhập Trường
Trung cấp Thanh Bình, Trường
Trung cấp Hồng Ngự, Trường
Trung cấp Tháp Mười vào
Trường Cao đẳng Cộng đồng
Đồng Tháp và đổi tên thành
Trường Cao đẳng Đồng Tháp

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Kế hoạch số 130/KH-BCĐTKNQ18 ngày 21 tháng 9 năm 2025 của Ban Chỉ đạo về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ về sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức bên trong hệ thống hành chính nhà nước; Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định sáp nhập Trường Trung cấp Thanh Bình, Trường Trung cấp Hồng Ngự, Trường Trung cấp Tháp Mười vào Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp và đổi tên thành Trường Cao đẳng Đồng Tháp, cụ thể như sau:

1. Thông tin về cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị chia tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Tên tiếng Việt: **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**
- Tên tiếng Anh: **PEOPLE'S COMMITTEE OF DONG THAP PROVINCE**
- Địa chỉ: Số 23, đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.
- Điện thoại: 0273.3873153
- Fax: 0273.3873680

2. Lý do, mục đích chia tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, Nghị quyết, Kết luận về xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Để thực hiện đúng các chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Quyết định số 73/2023/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; đặc biệt là Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới.

Được sự thống nhất chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Báo cáo số 50-BC/TU ngày 18/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Tháp về phương

án sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp chủ trương tổ chức, sắp xếp lại hệ thống giáo dục nghề nghiệp nói chung và việc Sáp nhập Trường Trung cấp Thanh Bình, Trung cấp Hồng Ngự, Trung cấp Tháp Mười vào Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp và đổi tên thành Trường Cao đẳng Đồng Tháp là yêu cầu hết sức cần thiết, đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực và đột phá phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh.

3. Thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp sáp nhập

a) Thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ nhất trước khi sáp nhập

- Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp: **TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG ĐỒNG THÁP**

- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: Dong Thap Community College (viết tắt: DTCC).

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 259, đường Thiên Hộ Dương, Phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Tên phân hiệu: không.

- Địa điểm đào tạo:

+ Địa chỉ trụ sở chính: Số 259, đường Thiên Hộ Dương, Phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

+ Địa chỉ cơ sở 1: Số 2 đường Trần Phú, Phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- Số điện thoại: 02773 851 523

- Website (nếu có): <https://dtcc.edu.vn> Email: cdcddt@.edu.vn

b) Thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ hai trước khi sáp nhập

- Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp: **TRƯỜNG TRUNG CẤP THANH BÌNH**

- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: không.

- Địa chỉ trụ sở: Ấp Tân Đông B, xã Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp

- Tên phân hiệu: không.

- Số điện thoại: 02773.835.401

- Website: tcnhanhbinhdtd.edu.vn

- Email: tcnhanhbinh.dongthap@gmail.com

c) Thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ ba trước khi sáp nhập

- Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp: **TRƯỜNG TRUNG CẤP HỒNG NGỰ**

- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: không.

- Địa chỉ trụ sở: Ấp An Lợi, phường An Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Tên phân hiệu: không.
- Số điện thoại: 0277.6556.556
- Website: <https://trungcaphongngu.edu.vn/>
Email: trungcaphongngu@gmail.com

d) Thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ tư trước khi sáp nhập

- Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp: **TRƯỜNG TRUNG CẤP THÁP MƯỜI**
- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: không.
- Địa chỉ trụ sở: Ấp 2, xã Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.
- Tên phân hiệu: không.
- Số điện thoại: 0277.3824534
- Website: <http://truongtrungcaphapmuoi.edu.vn>

đ) Thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp sau khi sáp nhập

- Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp: **TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐỒNG THÁP**
- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: Dong Thap College (Viết tắt: DTC).
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 259, đường Thiên Hộ Dương, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Tên phân hiệu và địa điểm đào tạo:

Trường Cao đẳng Đồng Tháp có 04 địa điểm đào tạo gồm:

+ Địa điểm Hồng Ngự: Ấp An Lợi, phường An Bình, tỉnh Đồng Tháp (*Trường Trung cấp Hồng Ngự hiện tại*).

+ Địa điểm Sa Đéc: Số 2, đường Trần Phú, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (*Cơ sở 1 của Trường Cao đẳng Công đồng hiện tại*).

+ Địa điểm Thanh Bình: Ấp Tân Đông B, xã Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (*Trường Trung cấp Thanh Bình hiện tại*).

+ Địa điểm Tháp Mười: Ấp 2, xã Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp (*Trường Trung cấp Tháp Mười hiện tại*).

- Số điện thoại: 02773 851 523.

- Chức năng, nhiệm vụ:

+ *Chức năng:*

Trường Cao đẳng Đồng Tháp là cơ sở giáo dục nghề nghiệp đa ngành, thực hiện chức năng đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp, trung học nghề; đào tạo thường xuyên; bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động theo yêu cầu của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và người lao động. Nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ nâng cao chất

lượng, hiệu quả đào tạo; hợp tác, liên kết tổ chức đào tạo; tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật. Hoạt động theo cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

+ *Nhiệm vụ và quyền hạn*

Trường Cao đẳng Đồng Tháp thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 10 Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 10 tháng 12 năm 2025, cụ thể như sau:

- Xác định mục tiêu, chiến lược và kế hoạch phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người học, giảng viên, giáo viên, người dạy nghề và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

- Tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp và cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định; tổ chức cho giảng viên, giáo viên, người dạy nghề thực tập sản xuất tại doanh nghiệp để cập nhật, nâng cao kỹ năng nghề; tư vấn đào tạo, tư vấn việc làm cho người học.

- Xây dựng và phát triển hệ thống văn bằng số, chứng chỉ số, học liệu số. Cung cấp, cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp; quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu theo quy định.

- Thực hiện các hoạt động hợp tác, đầu tư với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ.

- Thành lập doanh nghiệp, tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ khi đủ điều kiện; ứng dụng kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ vào hoạt động đào tạo, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định.

- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Luật Giáo dục.

- Dự kiến quy mô tuyển sinh và ngành, nghề đào tạo, trình độ đào tạo:

*** Dự kiến quy mô tuyển sinh của Trường Cao đẳng Đồng Tháp đến năm 2030 như sau:**

TỔNG QUY MÔ TUYỂN SINH (Toàn trường)	Thời gian đào tạo	2026	2027	2028	2029	2030
		8780	8890	8890	8890	8890
Cao đẳng	2.5 năm	1345	1345	1345	1345	1345
Trung cấp	2 năm	3100	3210	3210	3210	3210
Sơ cấp	3 tháng	4,335	4,335	4,335	4,335	4,335

Trong đó:

- Quy mô tuyển sinh hàng năm tại Trụ sở chính (Cao Lãnh)

TT	Tên ngành, nghề và trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
I	Cao đẳng		800	800	800	800	800
1	Bảo vệ thực vật	2.5 năm	105	105	105	105	105
2	Dịch vụ thú y	2.5 năm	105	105	105	105	105
3	Nuôi trồng thủy sản	2.5 năm	70	70	70	70	70
4	Nông nghiệp công nghệ cao	2.5 năm	35	35	35	35	35
5	Công nghệ thông tin	2.5 năm	70	70	70	70	70
6	Công nghệ thực phẩm	2.5 năm	105	105	105	105	105
7	Công nghệ sau thu hoạch	2.5 năm	35	35	35	35	35
8	Kế toán	2.5 năm	105	105	105	105	105
9	Quản trị bán hàng	2.5 năm	30	30	30	30	30
10	Tiếng Anh	2.5 năm	35	35	35	35	35
11	Chế biến thực phẩm	2.5 năm	35	35	35	35	35
12	Quản trị kinh doanh	2.5 năm	70	70	70	70	70
II	Trung cấp		300	405	405	405	405
1	Chăn nuôi - Thú y	2 năm	35	35	35	35	35
2	Nuôi trồng thủy sản	2 năm	35	35	35	35	35
3	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2 năm	35	35	35	35	35
4	Chế biến và bảo quản thủy sản	2 năm	0	70	70	70	70
5	Công nghệ thực phẩm	2 năm	70	70	70	70	70
6	Tin học văn phòng	2 năm	90	90	90	90	90
7	Kế toán doanh nghiệp	2 năm	35	35	35	35	35
8	Văn thư - Lưu trữ	2 năm	0	35	35	35	35
III	Sơ cấp		510	510	510	510	510
1	Chế biến và bảo quản	3 tháng	300	300	300	300	300

	thủy sản						
2	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	3 tháng	70	70	70	70	70
3	Kế toán doanh nghiệp thương mại	3 tháng	70	70	70	70	70
4	Tin học văn phòng	3 tháng	70	70	70	70	70
TỔNG CỘNG			1,610	1,715	1,715	1,715	1,715

- Quy mô tuyển sinh hàng năm tại Điểm đào tạo Sa đéc

TT	Tên ngành, nghề và trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
I	Cao đẳng		545	545	545	545	545
1	Công nghệ ô tô	2.5 năm	105	105	105	105	105
2	Cắt gọt kim loại	2.5 năm	35	35	35	35	35
3	Kỹ thuật xây dựng	2.5 năm	35	35	35	35	35
4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2.5 năm	35	35	35	35	35
5	Điện công nghiệp	2.5 năm	70	70	70	70	70
6	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2.5 năm	35	35	35	35	35
7	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	2.5 năm	90	90	90	90	90
8	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	2.5 năm	70	70	70	70	70
9	Thiết kế đồ họa	2.5 năm	35	35	35	35	35
10	Kế toán doanh nghiệp	2.5 năm	35	35	35	35	35
II	Trung cấp		560	565	565	565	565
1	Cắt gọt kim loại	2 năm	35	35	35	35	35
2	Công nghệ ô tô	2 năm	140	140	140	140	140
3	Kỹ thuật xây dựng	2 năm	35	35	35	35	35
4	Thiết kế đồ họa	2 năm	35	35	35	35	35
5	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	2 năm	100	105	105	105	105
6	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2 năm	30	30	30	30	30
7	Điện công nghiệp	2 năm	70	70	70	70	70

8	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	2 năm	80	80	80	80	80
9	Nghiep vụ bán hàng	2 năm	35	35	35	35	35
III	Sơ cấp		1,600	1,600	1,600	1,600	1,600
1	Công nhân xây dựng	3 tháng	300	300	300	300	300
2	Điện công nghiệp	3 tháng	300	300	300	300	300
3	Điện dân dụng (điện cơ)	3 tháng	300	300	300	300	300
4	Hàn điện	3 tháng	300	300	300	300	300
5	Lắp ráp, bảo trì điện cơ	3 tháng	150	150	150	150	150
6	Lắp ráp, bảo trì máy lạnh	3 tháng	80	80	80	80	80
7	Tiện	3 tháng	100	100	100	100	100
8	Hàn	3 tháng	70	70	70	70	70
TỔNG CỘNG			2,705	2,710	2,710	2,710	2,710

- Quy mô tuyển sinh hàng năm tại Điểm đào tạo Thanh Bình

TT	Tên ngành, nghề và trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	Dự kiến quy mô tuyển sinh				
			2026	2027	2028	2029	2030
I	Trung cấp		630	630	630	630	630
1	Chế biến và bảo quản thủy sản	2 năm	35	35	35	35	35
2	Chế biến thực phẩm	2 năm	105	105	105	105	105
3	Điện công nghiệp	2 năm	105	105	105	105	105
4	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	2 năm	105	105	105	105	105
5	Kế toán doanh nghiệp	2 năm	35	35	35	35	35
6	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	2 năm	35	35	35	35	35
7	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	2 năm	35	35	35	35	35
8	Tin học văn phòng	2 năm	70	70	70	70	70
9	Công nghệ ô tô	2 năm	70	70	70	70	70
10	Tiếng Nhật	2 năm	35	35	35	35	35
II	Sơ cấp		980	980	980	980	980
1	May dân dụng	3 tháng	200	200	200	200	200

2	Chế biến và bảo quản thủy sản	3 tháng	500	500	500	500	500
3	Điện công nghiệp	3 tháng	60	60	60	60	60
4	Điện dân dụng (điện cơ)	3 tháng	60	60	60	60	60
5	Lắp ráp, cài đặt máy tính	3 tháng	50	50	50	50	50
6	Lắp ráp, bảo trì máy lạnh	3 tháng	40	40	40	40	40
7	Hàn điện	3 tháng	70	70	70	70	70
TỔNG CỘNG			1610	1610	1610	1610	1610

- Quy mô tuyển sinh hàng năm tại Địa điểm đào tạo Hồng Ngự

TT	Tên ngành, nghề và trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	Dự kiến quy mô tuyển sinh				
			2026	2027	2028	2029	2030
I	Trung cấp		1085	1085	1085	1085	1085
1	Kế toán doanh nghiệp	2 năm	35	35	35	35	35
2	Thiết kế đồ họa	2 năm	140	140	140	140	140
3	Tin học văn phòng	2 năm	105	105	105	105	105
4	Chế biến thực phẩm	2 năm	70	70	70	70	70
5	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	2 năm	70	70	70	70	70
6	Điện công nghiệp	2 năm	70	70	70	70	70
7	Công nghệ ô tô	2 năm	140	140	140	140	140
8	Kỹ thuật máy lạnh ĐHKK	2 năm	175	175	175	175	175
9	Hàn	2 năm	140	140	140	140	140
10	Chế biến và bảo quản thủy sản	2 năm	70	70	70	70	70
11	Tiếng Nhật	2 năm	70	70	70	70	70
II	Sơ cấp		1000	1000	1000	1000	1000
1	Chế biến và bảo quản thủy sản	3 tháng	1000	1000	1000	1000	1000
TỔNG CỘNG			2085	2085	2085	2085	2085

+ Quy mô tuyển sinh hàng năm tại Địa điểm đào tạo Tháp Mười

TT	Tên ngành, nghề và trình độ đào tạo	Thời gian	Dự kiến quy mô tuyển sinh				
----	-------------------------------------	-----------	---------------------------	--	--	--	--

		đào tạo	2026	2027	2028	2029	2030
I	Trung cấp		525	525	525	525	525
1	Cắt gọt kim loại	2 năm	70	70	70	70	70
2	Điện công nghiệp	2 năm	70	70	70	70	70
3	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	2 năm	140	140	140	140	140
4	Công nghệ ô tô	2 năm	70	70	70	70	70
5	Kế toán tin học	2 năm	70	70	70	70	70
6	Tiếng Nhật	2 năm	70	70	70	70	70
7	Nghiệp vụ bán hàng	2 năm	35	35	35	35	35
II	Sơ cấp		245	245	245	245	245
1	Điện công nghiệp	3 tháng	60	60	60	60	60
2	Công nhân xây dựng	3 tháng	80	80	80	80	80
3	Hàn điện	3 tháng	105	105	105	105	105
TỔNG CỘNG			770	770	770	770	770

* Dự kiến ngành, nghề đào tạo, trình độ đào tạo của Trường Cao đẳng Đồng Tháp hàng năm tăng theo quy mô tuyển sinh với số liệu đến năm 2030 như sau:

QUY MÔ ĐÀO TẠO (Toàn trường)	Thời gian đào tạo	2026	2027	2028	2029	2030
Cao đẳng	2.5 năm	2424	2859	3531	3660	3730
Trung cấp	2 năm	2665	3795	4635	5245	5635
Sơ cấp	3 tháng	4,335	4,335	4,335	4,335	4,335
Tổng cộng		9424	10989	12501	13240	13700

Trong đó:

- Trụ sở chính (Cao Lãnh)

TT	Tên ngành, nghề và trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	Dự kiến quy mô đào tạo (2026 - 2030)				
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
I	Cao đẳng		1340	1583	2065	2095	2095
1	Bảo vệ thực vật	2.5 năm	220	240	260	260	260
2	Dịch vụ thú y	2.5 năm	126	150	260	260	260
3	Nuôi trồng thủy sản	2.5 năm	62	132	175	175	175
4	Nông nghiệp công nghệ cao	2.5 năm	35	70	105	105	105

5	Công nghệ thông tin	2.5 năm	181	210	250	250	250
6	Công nghệ thực phẩm	2.5 năm	297	297	260	260	260
7	Công nghệ sau thu hoạch	2.5 năm	30	65	100	100	100
8	Kế toán	2.5 năm	208	208	260	260	260
9	Quản trị bán hàng	2.5 năm		30	60	90	90
10	Tiếng Anh	2.5 năm	27	27	80	80	80
11	Chế biến thực phẩm	2.5 năm	27	27	80	80	80
12	Quản trị kinh doanh	2.5 năm	127	127	175	175	175
II	Trung cấp		329	645	800	800	800
1	Chăn nuôi - Thú y	2 năm	23	55	70	70	70
2	Nuôi trồng thủy sản	2 năm		35	70	70	70
3	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2 năm	39	70	70	70	70
4	Chế biến và bảo quản thủy sản	2 năm		70	140	140	140
5	Công nghệ thực phẩm	2 năm	120	140	140	140	140
6	Tin học văn phòng	2 năm	83	170	170	170	170
7	Kế toán doanh nghiệp	2 năm	64	70	70	70	70
8	Văn thư - Lưu trữ	2 năm		35	70	70	70
III	Sơ cấp		510	510	510	510	510
1	Chế biến và bảo quản thủy sản	3 tháng	300	300	300	300	300
2	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	3 tháng	70	70	70	70	70
3	Kế toán doanh nghiệp thương mại	3 tháng	70	70	70	70	70
4	Tin học văn phòng	3 tháng	70	70	70	70	70
TỔNG CỘNG			2,179	2,738	3,375	3,405	3,405

- Điểm đào tạo Sa đéc

TT	Tên ngành, nghề và trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	Dự kiến quy mô đào tạo (2026 - 2030)				
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
I	Cao đẳng		1084	1276	1466	1565	1635
1	Công nghệ ô tô	2.5 năm	338	315	315	315	315
2	Cắt gọt kim loại	2.5 năm	72	100	105	105	105

3	Kỹ thuật xây dựng	2.5 năm	31	66	101	105	105
4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2.5 năm	115	120	130	140	150
5	Điện công nghiệp	2.5 năm	167	160	180	190	210
6	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2.5 năm		35	70	105	105
7	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	2.5 năm	260	270	270	270	270
8	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	2.5 năm	47	100	140	160	180
9	Thiết kế đồ họa	2.5 năm	54	80	105	105	105
10	Kế toán doanh nghiệp	2.5 năm		30	50	70	90
II	Trung cấp		916	1010	1125	1215	1255
1	Cắt gọt kim loại	2 năm	75	75	75	75	75
2	Công nghệ ô tô	2 năm	244	250	250	250	250
3	Kỹ thuật xây dựng	2 năm		35	70	70	70
4	Thiết kế đồ họa	2 năm	114	120	130	150	170
5	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	2 năm	92	100	120	140	140
6	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2 năm	40	60	60	60	60
7	Điện công nghiệp	2 năm	90	100	120	140	140
8	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	2 năm	213	200	230	260	280
9	Nghiệp vụ bán hàng	2 năm	48	70	70	70	70
III	Sơ cấp		1,600	1,600	1,600	1,600	1,600
1	Công nhân xây dựng	3 tháng	300	300	300	300	300
2	Điện công nghiệp	3 tháng	300	300	300	300	300
3	Điện dân dụng (điện cơ)	3 tháng	300	300	300	300	300
4	Hàn điện	3 tháng	300	300	300	300	300
5	Lắp ráp, bảo trì điện cơ	3 tháng	150	150	150	150	150
6	Lắp ráp, bảo trì máy lạnh	3 tháng	80	80	80	80	80
7	Tiện	3 tháng	100	100	100	100	100
8	Hàn	3 tháng	70	70	70	70	70
TỔNG CỘNG			3,600	3,886	4,191	4,380	4,490

- Điểm đào tạo Thanh Bình

TT	Tên ngành, nghề và trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	Dự kiến quy mô đào tạo (2026 - 2030)				
			2026	2027	2028	2029	2030
I	Trung cấp		498	730	985	1150	1190
1	Chế biến và bảo quản thủy sản	2 năm		35	70	105	105
2	Chế biến thực phẩm	2 năm	77	130	180	210	210
3	Điện công nghiệp	2 năm	95	100	120	140	160
4	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	2 năm	86	100	120	140	160
5	Kế toán doanh nghiệp	2 năm		35	70	70	70
6	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	2 năm		35	70	70	70
7	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	2 năm	75	75	75	75	75
8	Tin học văn phòng	2 năm	89	100	120	140	140
9	Công nghệ ô tô	2 năm	76	100	120	140	140
10	Tiếng Nhật	2 năm		20	40	60	60
II	Sơ cấp		980	980	980	980	980
1	Máy dân dụng	3 tháng	200	200	200	200	200
2	Chế biến và bảo quản thủy sản	3 tháng	500	500	500	500	500
3	Điện công nghiệp	3 tháng	60	60	60	60	60
4	Điện dân dụng (điện cơ)	3 tháng	60	60	60	60	60
5	Lắp ráp, cài đặt máy tính	3 tháng	50	50	50	50	50
6	Lắp ráp, bảo trì máy lạnh	3 tháng	40	40	40	40	40
7	Hàn điện	3 tháng	70	70	70	70	70
TỔNG CỘNG			1478	1710	1965	2130	2170

- Địa điểm đào tạo Hồng Ngự

TT	Tên ngành, nghề và trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	Dự kiến quy mô đào tạo (2026 - 2030)				
			2026	2027	2028	2029	2030
I	Trung cấp		655	960	1165	1420	1620
1	Kế toán doanh nghiệp	2 năm	37	50	70	70	70
2	Thiết kế đồ họa	2 năm	85	120	140	180	220
3	Tin học văn phòng	2 năm	40	60	80	100	130
4	Chế biến thực phẩm	2 năm	85	100	115	140	140
5	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	2 năm	67	100	115	140	140
6	Điện công nghiệp	2 năm	65	100	115	140	140
7	Công nghệ ô tô	2 năm	121	140	140	160	210
8	Kỹ thuật máy lạnh ĐHKK	2 năm	107	120	130	140	150
9	Hàn	2 năm	27	50	80	110	140
10	Chế biến và bảo quản thủy sản	2 năm	9	60	90	120	140
11	Tiếng Nhật	2 năm	12	60	90	120	140
II	Sơ cấp		1000	1000	1000	1000	1000
1	Chế biến và bảo quản thủy sản	3 tháng	1000	1000	1000	1000	1000
TỔNG CỘNG			1655	1960	2165	2420	2620

- Địa điểm đào tạo Tháp Mười

TT	Tên ngành, nghề và trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	Dự kiến quy mô đào tạo				
			2026	2027	2028	2029	2030
I	Trung cấp		267	450	560	660	770
1	Cắt gọt kim loại	2 năm	56	70	100	120	140
2	Điện công nghiệp	2 năm	37	60	80	100	140
3	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	2 năm	64	80	100	140	190
4	Công nghệ ô tô	2 năm	70	140	140	140	140
5	Kế toán tin học	2 năm	21	40	60	60	60
6	Tiếng Nhật	2 năm	10	30	30	30	30

7	Nghiệp vụ bán hàng	2 năm	9	30	50	70	70
II	Sơ cấp		245	245	245	245	245
1	Điện công nghiệp	3 tháng	60	60	60	60	60
2	Công nhân xây dựng	3 tháng	80	80	80	80	80
3	Hàn điện	3 tháng	105	105	105	105	105
TỔNG CỘNG			512	695	805	905	1015

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định.

(Đính kèm Đề án sáp nhập Trường Trung cấp Thanh Bình, Trường Trung cấp Hồng Ngự, Trường Trung cấp Tháp Mười vào Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp và đổi tên thành Trường Cao đẳng Đồng Tháp)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các sở, ban ngành tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, Đ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Minh Tuấn